

Số: 28 /2018/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ công trình đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 04 tháng 7 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại 2 Tờ trình số 1449/TTr-SNN ngày 26 tháng 6 năm 2018 và Tờ trình số 1803/TTr-SNN ngày 08 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ công trình đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

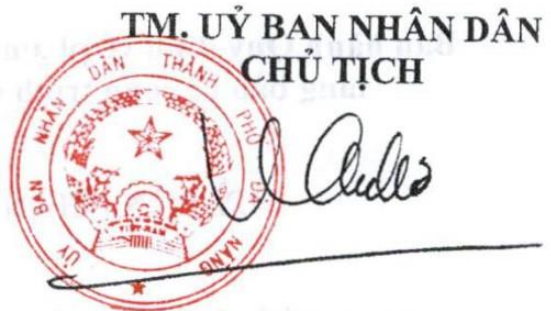
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2018 và thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường,

Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an thành phố, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..^{HC}

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- UBMT TQVN TP, các tổ chức hội, đoàn thể ;
- Các sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố;
- Công an thành phố;
- Bộ Chỉ huy quân sự thành phố;
- UBND các quận, huyện, xã, phường;
- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi ĐN;
- Công ty Thoát nước và xử lý nước thải ĐN;
- Chi cục Thủy lợi Đà Nẵng;
- Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Đài Phát thanh truyền hình thành phố;
- Báo Đà Nẵng;
- Lưu: VT, Sở NN&PTNT (150bản).



Huỳnh Đức Thọ

QUY ĐỊNH

**Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ
công trình đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2018/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi không có trong danh mục từ Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 40 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 và quy định về hành lang bảo vệ công trình đê, kè không thuộc Điểm a, Khoản 2, Điều 23 của Luật Đê Điều.

2. Các nội dung về phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ công trình đê, kè không được quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác bảo vệ công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ công trình đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi là phạm vi giáp công trình thủy lợi được quy định áp dụng đối với từng loại công trình nhằm đảm bảo an toàn cho công trình.

2. Hành lang bảo vệ công trình đê, kè là khoảng cách theo phương dọc và khoảng không gian theo phương thẳng đứng (liền kè) phía ngoài đường bao công trình được quy định đối với từng loại công trình đê, kè nhằm đảm bảo an toàn công trình, thuận lợi cho việc khai thác và bảo vệ an toàn cho công trình.

3. Đê điều là hệ thống công trình bao gồm đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê và công trình phụ trợ.

4. Đê là công trình ngăn nước lũ của sông hoặc ngăn nước biển, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân loại, phân cấp theo quy định của pháp luật.

5. Đê cửa sông là đê chuyển tiếp giữa đê sông với đê biển hoặc bờ biển.

6. Kè bảo vệ đê là công trình xây dựng nhằm chống sạt lở để bảo vệ đê.

7. Kè bảo vệ bờ là công trình xây dựng nhằm chống sạt lở, bảo vệ bờ.
8. Đập dâng là công trình làm nhiệm vụ ngăn nước, nhằm tích trữ nước để cung cấp cho các nhu cầu dùng nước.
9. Kênh là công trình dẫn, chuyển nước, được đào, đắp trên mặt đất phục vụ cho thủy lợi, giao thông.
10. Trạm bơm là tập hợp các công trình và các thiết bị bơm tạo thành để phục vụ cho tưới tiêu nông nghiệp.
11. Chân đê đối với đê đất là vị trí giao nhau giữa mái đê hoặc mái cơ đê với mặt đất tự nhiên được xác định tại thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê. Chân đê đối với đê có kết cấu bằng bê tông hoặc vật liệu khác là vị trí xây đúc ngoài cùng của móng công trình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi

1. Phạm vi vùng phụ cận đập dâng

a) Xác định cấp công trình đập dâng được quy định Phụ lục II, bảng 2: Phân cấp công trình theo đặc tính kỹ thuật (*Kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ*). Phạm vi vùng phụ cận công trình đập dâng được xác định như sau:

- Đập cấp I: Phần dưới nước của thân đập (tính từ mép ngoài phần xây lấp của chân đập) và phần trên cạn của hai vai thân đập (tính từ mép ngoài phần xây lấp của chân vai đập) trở ra, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 200m, phạm vi không được xâm phạm là 50m sát chân đập và sát chân vai đập, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập;

- Đập cấp II: Phần dưới nước của thân đập (tính từ mép ngoài phần xây lấp của chân đập) và phần trên cạn của hai vai thân đập (tính từ mép ngoài phần xây lấp của chân vai đập) trở ra, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 100m, phạm vi không được xâm phạm là 25m sát chân đập và sát chân vai đập, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập;

- Đập cấp III: Phần dưới nước của thân đập (tính từ mép ngoài phần xây lấp của chân đập) và phần trên cạn của hai vai thân đập (tính từ mép ngoài phần xây lấp của chân vai đập) trở ra, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 50m, phạm vi không được xâm phạm là 20m sát chân đập và sát chân vai đập, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập;

- Đập cấp IV: Phần dưới nước của thân đập (tính từ mép ngoài phần xây lấp của chân đập) và phần trên cạn của hai vai thân đập (tính từ mép ngoài phần xây lấp của chân vai đập) trở ra, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 25m, phạm vi không được xâm phạm là 10m sát chân đập và sát chân vai đập, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập;

b) Đối với đập dâng có bờ bao ở khu vực thượng lưu đập, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ bờ bao được quy định tại tiết 3, điểm a, khoản 1 Điều này.

2. Phạm vi vùng phụ cận kênh

a) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{m}^3/\text{s}$: Phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 1m;

b) Kênh nội đồng: Phạm vi vùng phụ cận từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 0,5m;

c) Kênh đã kiên cố phải có đường đi lại để quản lý;

d) Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận được thực hiện theo quy định chung về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn vùng phụ cận bảo vệ công trình theo quy mô kênh tương ứng;

đ) Kênh ống nhựa kín: Phạm vi vùng phụ cận kênh ống nhựa kín tính từ thành ngoài của ống ra mỗi bên 1m và áp dụng dọc theo chiều dài tuyến ống;

e) Đối với công trình trên kênh: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây dựng hoặc gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trên kênh trở ra là 2m.

3. Phạm vi vùng phụ cận trạm bơm

a) Đối với trạm bơm hiện có: Phạm vi vùng phụ cận bao gồm toàn bộ diện tích đất được nhà nước giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng, được xác định bởi các mốc giới hoặc hàng rào bảo vệ công trình;

b) Đối với trạm bơm làm mới: Tùy theo qui mô thiết kế nhà máy trạm bơm, phạm vi vùng phụ cận công trình đầu mối được xác định bởi các mốc giới nhưng phải đảm bảo cho công tác quản lý, sửa chữa công trình khi xảy ra sự cố (nếu có) và phải có hàng rào bảo vệ;

c) Phạm vi vùng phụ cận các hạng mục công trình đầu mối trạm bơm bao gồm cửa lấy nước, kênh dẫn vào bể hút, bể hút, trạm bơm, nhà quản lý, bể xả, được quy định như sau:

- Phần dưới nước bao gồm cửa lấy nước, kênh dẫn, bể hút trạm bơm phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài từng hạng mục công trình trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu công trình mỗi bên tối thiểu 35m;

- Phần trên cạn, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài của công trình (phần xây lắp) trở ra, tối thiểu là 15m.

Điều 5. Phạm vi hành lang bảo vệ công trình đê, kè

1. Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt: Phạm vi bảo vệ được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 của Luật Đê điều;

2. Đê sông cấp IV, V:

- Những vị trí đê đi qua khu dân cư, đô thị và khu du lịch, hành lang bảo vệ được tính từ chân đê trở ra 5m về phía sông và phía đồng;

- Hành lang bảo vệ đối với các vị trí khác được tính từ chân đê trở ra 15m về phía sông và phía đồng.

3. Đê biển cấp IV, V:

- Những vị trí đê đi qua khu dân cư, đô thị và khu du lịch, hành lang bảo vệ được tính từ chân đê trở ra 5m về phía biển và phía đồng;

- Hành lang bảo vệ đối với các vị trí khác được tính từ chân đê trở ra 15m về phía đồng và 100m về phía biển.

4. Đê cửa sông cấp IV, V:

- Những vị trí đê đi qua khu dân cư, đô thị và khu du lịch, hành lang bảo vệ được tính từ chân đê trở ra 5m về phía sông và phía đồng;

- Hành lang bảo vệ đối với các vị trí khác được tính từ chân đê trở ra 15m về phía đồng và 50m về phía sông.

5. Đê bồi và đê bao cấp IV, V: Hành lang bảo vệ đê được tính từ chân đê trở ra 5m về phía đồng và phía sông;

6. Hành lang bảo vệ đối với kè bảo vệ đê, cống qua đê được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng của kè bảo vệ đê, cống qua đê trở ra mỗi phía 50m;

7. Hành lang bảo vệ đối với kè bảo vệ bờ:

- Những vị trí kè đi qua khu dân cư, đô thị và khu du lịch, hành lang bảo vệ được giới hạn từ phần xây đúc, đá đổ hộ chân cuối cùng của kè trở ra mỗi phía 5m;

- Hành lang bảo vệ kè đối với các vị trí khác được giới hạn từ phần xây đúc, đá đổ hộ chân cuối cùng của kè trở ra mỗi phía 15m.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phổ biến các quy định pháp luật về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, lập phương án bảo vệ công trình, tổ chức triển khai cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình trên địa bàn thành phố đúng quy định; kiểm tra việc thực hiện và định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện;

c) Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, thanh tra, kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình trên địa bàn thành phố;

d) Chủ trì phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép đối với các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi bảo vệ công trình theo quy định;

đ) Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán, trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị đề nghị, chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp chung dự toán thực hiện công tác cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đối với các công trình thủy lợi và đê, kè do thành phố quản lý vào dự toán ngành nông nghiệp; phối hợp với Sở kế hoạch và Đầu tư (nhiệm vụ chi đầu tư phát triển), Sở Tài chính (nhiệm vụ chi thường xuyên) để tổng hợp vào dự toán chi ngân sách thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan trong việc kiểm tra, thực hiện quy định này theo thẩm quyền.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì hướng dẫn thẩm định nhu cầu sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất cho đơn vị, tổ chức được giao quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Sở Giao thông vận tải: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường trong việc quy hoạch mạng lưới giao thông thủy, giao thông bộ, xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ công trình có kết hợp giao thông thực hiện cấm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn giao thông đối với các hoạt động được cấp phép trong phạm vi bảo vệ công trình.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình (nếu có).

6. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cân đối bố trí nguồn vốn sự nghiệp thực hiện công tác cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình theo quy định tại khoản 2, Điều 43 Luật Thủy lợi.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, truyền thông trên địa bàn thành phố tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và đê, kè và Quy định này để các đơn vị, tổ chức, cá nhân và Nhân dân được biết và chấp hành.

8. Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, thực hiện việc ngăn chặn các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn cho công trình và tham gia khắc phục hậu quả khi công trình xảy ra sự cố.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý và khai thác công trình thủy lợi và đê, kè

1. Có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình; thường xuyên kiểm tra, phát hiện và có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm gây mất an toàn

công trình; kịp thời thông báo và phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi và đê, kè.

2. Lập, trình thẩm định phê duyệt phương án bảo vệ công trình được giao quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Thực hiện thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi vùng phụ cận công trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và đê, kè.

2. Chỉ đạo, tổ chức Ủy ban nhân dân phường, xã phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc thực hiện công tác bảo vệ công trình trên địa bàn.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và đê, kè tại địa phương theo quy định của pháp luật và nội dung của Quy định này.

4. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình xây dựng phương án bảo vệ công trình, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ hệ thống công trình phục vụ nhiều phường, xã trong một quận, huyện.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí để bồi thường, di chuyển, tháo dỡ, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình đối với công trình do Ủy ban nhân dân quận, huyện quản lý.

6. Chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp dự toán thực hiện công tác cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đối với các công trình do quận, huyện quản lý vào dự toán chi ngân sách của quận, huyện; phối hợp với Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán chi ngân sách thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành.

7. Căn cứ vào Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với các công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình trên địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều;

8. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ vùng phụ cận công trình thủy lợi và đê, kè trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, xã

1. Chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện pháp luật về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và đê, kè; đồng thời chấp hành và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình trên địa bàn.

2. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chi giới phạm vi bảo vệ công trình không để xảy ra tái vi phạm trên địa bàn quản lý.

3. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật và nội dung của Quy định này.

4. Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình trên địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều;

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm vùng phụ cận công trình thủy lợi và đê, kè trên địa bàn.

Điều 10. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, bảo vệ vùng phụ cận công trình thủy lợi được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện, các đơn vị, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thực hiện công tác quản lý nhà nước trong việc bảo vệ công trình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Thơ